

CHỦ ĐỀ 8: CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC)

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Trung Quốc.
- + Hiểu và phân tích được đặc điểm phát triển kinh tế, một số ngành kinh tế chủ chốt và vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới, phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế.
- + Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế.
- + Trình bày đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích được những thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế.
- + Giải thích được sự phân bố của kinh tế Trung Quốc, sự tập trung các đặc khu kinh tế tại vùng duyên hải.
- + Hiểu và trình bày được quan hệ đa dạng giữa Trung Quốc và Việt Nam.

❖ Kỹ năng

- + Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày sự khác biệt về tự nhiên, sự phân bố dân cư và kinh tế giữa miền Đông và miền Tây của Trung Quốc.
- + Phân tích các số liệu, tư liệu về thành tựu phát triển kinh tế của Trung Quốc.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

1. Vị trí địa lí và lãnh thổ

a. Vị trí địa lí

- Lãnh thổ trải dài từ khoảng 20°B đến 53°B , khoảng 73°B đến 135°B .
- Phía đông giáp biển mở rộng ra Thái Bình Dương, 3 mặt còn lại trên đất liền giáp với 14 quốc gia.

b. Lãnh thổ

- Rộng lớn: diện tích đứng thứ tư trên thế giới.
- Gồm 22 tỉnh, 5 khu tự trị, 4 thành phố trực thuộc trung ương, ven biển có 2 đặc khu hành chính (Hong Công và Ma Cao).

c. Ý nghĩa

- Thuận lợi:
 - + Dễ dàng giao lưu phát triển kinh tế với các nước láng giềng.
 - + Phát triển các ngành kinh tế biển.
 - + Cảnh quan thiên nhiên đa dạng.
- Khó khăn:
 - + Khó khăn trong quản lí hành chính.
 - + Đường biên giới với các nước láng giềng phần lớn nằm trong vùng núi cao hiểm trở, sa mạc → khó khăn cho phát triển giao thông.
 - + Thiên tai: bão, lũ lụt,...

2. Điều kiện tự nhiên

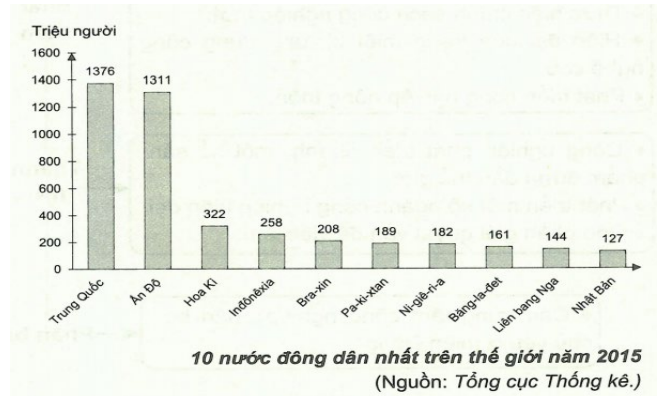
Đặc điểm	Miền Đông	Miền Tây
Địa hình	♦ Chiếm 50% diện tích. ♦ Có các đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất đai màu mỡ → thuận lợi phát triển kinh tế, định cư.	♦ Gồm các dãy núi cao, các sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa → khó khăn cho phát triển kinh tế, giao thông, định cư.
Khí hậu	♦ Từ nam lên bắc, khí hậu chuyển từ cận nhiệt đới gió mùa sang ôn đới gió mùa → cơ cấu nông nghiệp đa dạng.	♦ Ôn đới lục địa khắc nghiệt. → khó khăn cho sản xuất và sinh hoạt.
Sông ngòi	♦ Trung và hạ lưu của nhiều con sông lớn, sông nhiều nước vào mùa hạ, thường gây ngập lụt cho vùng đồng bằng.	♦ Là nơi bắt nguồn của nhiều con sông lớn: Hoàng Hà, Trường Giang.
Tài nguyên	♦ Khoáng sản kim loại màu.	♦ Rừng, đồng cỏ, khoáng sản.

DÂN CƯ, XÃ HỘI TRUNG QUỐC

1. Dân cư

- Là nước đông dân nhất trên thế giới.

- Nhiều thành phần dân tộc, trên 90% là người Hán.
- Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên có xu hướng giảm do thực hiện triệt để chính sách dân số.
- Dân cư phân bố không đều phần lớn tập trung ở miền Đông, dân cư thành thị có xu hướng tăng lên.
- Đánh giá: nguồn lao động dồi dào, có truyền thống, chất lượng lao động ngày càng nâng cao, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển.



2. Xã hội

- Trung Quốc rất chú trọng đầu tư cho phát triển giáo dục, tiến hành cải cách giáo dục → tỉ lệ người biết chữ cao (gần 90% năm 2005).
- Chất lượng nguồn lao động ngày càng nâng cao.

KINH TẾ CỦA TRUNG QUỐC

1. Khái quát: Công cuộc hiện đại hóa mang lại nhiều thành tựu quan trọng:

- Ổn định xã hội, mở rộng giao lưu buôn bán với nước ngoài.
- Tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất thế giới (năm 2004).
- Đời sống nhân dân được cải thiện.

2. Công nghiệp

a. Chiến lược phát triển

- Chuyển đổi từ “nền kinh tế chỉ huy sang nền kinh tế thị trường”.
- Thực hiện chính sách mở cửa, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
- Thực hiện chính sách công nghiệp mới.
- Hiện đại hóa trang thiết bị, ứng dụng công nghệ cao.
- Phát triển công nghiệp nông thôn.

b. Thành tựu

- Công nghiệp phát triển nhanh, một số sản phẩm đứng đầu thế giới.
- Phát triển một số ngành công nghiệp hiện đại.
- Góp phần giải quyết vấn đề việc làm.

c. Phân bố: Các trung tâm công nghiệp phân bố chủ yếu ở miền Đông.

3. Nông nghiệp

a. Chiến lược phát triển

- Giao quyền sử dụng đất cho nông dân.

- Phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp nông thôn.
- Áp dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật hiện đại vào sản xuất.
- Miễn thuế nông nghiệp.

b. Thành tựu

- Sản lượng, năng suất nông nghiệp tăng, nhiều sản phẩm đứng đầu thế giới.
- Sản phẩm đa dạng.
- Trồng trọt chiếm ưu thế hơn so với chăn nuôi.

c. Phân bố

- Miền Đông: nông nghiệp trù phú.
- Miền Tây: nông nghiệp kém phát triển hơn miền Đông, chủ yếu chăn nuôi gia súc (cừu, ngựa).

MỐI QUAN HỆ TRUNG QUỐC – VIỆT NAM

- Mối quan hệ lâu đời và ngày càng phát triển trong nhiều lĩnh vực, trên nền tảng của tình hữu nghị và sự ổn định lâu dài.

- Phương châm: “Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”.

→ **Kết quả:** Kim ngạch thương mại song phương giữa Trung Quốc và Việt Nam đang tăng nhanh. Các mặt hàng trao đổi ngày càng đa dạng.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Địa hình và cảnh quan ở vùng biên giới của Trung Quốc với các nước khác chủ yếu là

- | | |
|----------------------------|---------------------------|
| A. núi cao và hoang mạc. | B. núi thấp và đồng bằng. |
| C. đồng bằng và hoang mạc. | D. núi thấp và hoang mạc. |

Câu 2. Hai đặc khu hành chính nằm ven biển của Trung Quốc là

- | | |
|-----------------------------|--------------------------|
| A. Hồng Kông và Thượng Hải. | B. Hồng Kông và Ma Cao. |
| C. Hồng Kông và Quảng Châu. | D. Ma Cao và Thượng Hải. |

Câu 3. Các khoáng sản nổi tiếng ở miền Đông Trung Quốc là

- | | |
|----------------------------|------------------|
| A. dầu mỏ và khí tự nhiên. | B. kim loại đen. |
| C. than đá và dầu mỏ. | D. kim loại màu. |

Câu 4. Các dân tộc ít người phân bố chủ yếu ở khu vực nào của Trung Quốc?

- | | |
|---------------------------|----------------------------|
| A. Các thành phố lớn. | B. Các đồng bằng châu thổ. |
| C. Vùng núi và biên giới. | D. Dọc biên giới phía nam. |

Câu 5. Đặc điểm phân bố dân cư của Trung Quốc là

- | |
|---|
| A. dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở thành thị. |
| B. dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở miền núi. |
| C. dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở miền Tây. |
| D. dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở miền Đông. |

Câu 6. Lãnh thổ Trung Quốc giáp với 14 quốc gia tạo điều kiện thuận lợi để

- A. giao lưu với nhiều quốc gia trên thế giới.
- B. phân chia lãnh thổ thành các đơn vị hành chính khác nhau.
- C. tăng sức ảnh hưởng tới các quốc gia láng giềng.
- D. phát triển kinh tế biên giới.

Câu 7. Miền Đông Trung Quốc **không** có đặc điểm tự nhiên nào sau đây?

- A. Địa hình chủ yếu là đồng bằng phù sa màu mỡ.
- B. Khí hậu cận nhiệt đới gió mùa sang ôn đới gió mùa.
- C. Là nơi bắt nguồn của nhiều con sông lớn.
- D. Nổi tiếng với khoáng sản kim loại màu.

Câu 8. Nội dung nào **không** đúng hậu quả của tư tưởng trọng nam ở Trung Quốc?

- A. Ảnh hưởng tiêu cực đến cơ cấu giới tính.
- B. Ảnh hưởng đến nguồn lao động trong tương lai.
- C. Tạo ra nguồn lao động có sức mạnh.
- D. Tạo ra nhiều vấn đề xã hội phức tạp.

Câu 9. Phía bắc sơn nguyên Tây Tạng có mật độ dân số cao hơn so với các vùng xung quanh là do

- A. gắn với lịch sử “Con đường tơ lụa” và đường sắt Đông - Tây mới xây dựng.
- B. nền kinh tế phát triển hơn các vùng khác, nằm trong lưu vực sông Hoàng Hà.
- C. khí hậu ở nơi đó mát mẻ hơn các vùng khác, có thể phát triển nông nghiệp ở đây.
- D. chính sách phân bố dân cư của Trung Quốc, khuyến khích dân số định cư tại đây.

Câu 10. Các đồng bằng miền Đông Trung Quốc theo thứ tự bắc xuống nam là

- A. Hoa Bắc, Đông Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam.
- B. Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam.
- C. Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Nam, Hoa Trung.
- D. Đông Bắc, Hoa Nam, Hoa Bắc, Hoa Trung.

Câu 11. Dân tộc chiếm tỉ lệ cao nhất trong dân số Trung Quốc là

- A. dân tộc Hán.
- B. dân tộc Tạng.
- C. dân tộc Choang.
- D. dân tộc Ui-gua.

Câu 12. Đường bờ biển của Trung Quốc có chiều dài khoảng

- A. 8000 km.
- B. 9000 km.
- C. 10000 km.
- D. 11000 km.

Câu 13. Ranh giới phân chia hai miền tự nhiên miền Đông và miền Tây của Trung Quốc là

- A. kinh tuyến 95°Đ.
- B. kinh tuyến 105°T.
- C. kinh tuyến 105°Đ.
- D. kinh tuyến 110°Đ.

Câu 14. Đặc điểm tự nhiên của miền Tây Trung Quốc là

- A. là nơi bắt nguồn của nhiều con sông lớn.
- B. khí hậu cận nhiệt đới gió mùa sang ôn đới gió mùa.
- C. địa hình chủ yếu là đồng bằng phù sa.
- D. nổi tiếng với khoáng sản kim loại màu.

Câu 15. Trung Quốc thời kì cổ, trung đại **không** có phát minh nào sau đây?

- A. La bàn.
- B. Giấy.
- C. Kỹ thuật in.
- D. Chữ La tinh.

Câu 16. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của Trung Quốc đứng đầu thế giới là

- A. than, điện, thép.
- B. điện, xi măng, phân đạm.
- C. xi măng, thép, điện.
- D. than, xi măng, phân đạm.

Câu 17. Trung Quốc tiến hành công cuộc hiện đại hoá đất nước vào thời gian nào?

- A. Năm 1949. B. Năm 1968. C. Năm 1978. D. Năm 1986.

Câu 18. Miền Tây Trung Quốc có khí hậu

- A. nhiệt đới gió mùa. B. ôn đới gió mùa. C. cận xích đạo. D. ôn đới lục địa.

Câu 19. Hai giai đoạn của nền kinh tế Trung Quốc là

- A. giai đoạn từ 1950 đến 1978 và giai đoạn từ 1978 đến nay.
B. giai đoạn từ 1949 đến 1986 và giai đoạn từ 1986 đến nay.
C. giai đoạn từ 1950 đến 1986 và giai đoạn từ 1986 đến nay.
D. giai đoạn từ 1949 đến 1978 và giai đoạn từ 1978 đến nay.

Câu 20. Phần lớn các trung tâm công nghiệp của Trung Quốc tập trung ở

- A. miền Tây. B. miền Đông. C. miền Bắc. D. miền Nam.

Câu 21. Nhận định nào dưới đây **không** đúng khi nói về nông nghiệp của Trung Quốc?

- A. Diện tích đất canh tác chiếm phần lớn lãnh thổ Trung Quốc.
B. Trung Quốc có cơ cấu cây trồng rất đa dạng.
C. Ngành trồng trọt vẫn chiếm ưu thế so với ngành chăn nuôi.
D. Trong ngành trồng trọt, cây lương thực chiếm vị trí quan trọng nhất.

Câu 22. Trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hoá, Trung Quốc ưu tiên phát triển công nghiệp nhẹ **không** phải do

- A. đây là ngành cần ít vốn, thu hồi vốn và lợi nhuận nhanh.
B. nền kinh tế kém phát triển.
C. tận dụng nguồn nhân công dồi dào.
D. tận dụng thế mạnh về thị trường trong nước và quốc tế.

Câu 23. Lúa gạo là nông sản chính của vùng đồng bằng

- A. Hoa Nam, Hoa Bắc. B. Hoa Trung, Hoa Nam.
C. Hoa Trung, Đông Bắc. D. Đông Bắc, Hoa Bắc.

Câu 24. Ngành nông nghiệp tập trung chủ yếu ở miền Đông Trung Quốc vì

- A. đất đai rộng lớn, dân cư thưa thớt nên diện tích trồng trọt nhiều.
B. không bị lũ lụt, khí hậu ôn hòa quanh năm, ít bão.
C. có các đồng bằng rộng lớn, phì nhiêu, sông ngòi nhiều nước.
D. khoáng sản phong phú dồi dào, dân cư đông đúc.

Câu 25. Từ đầu năm 1994 Trung Quốc thực hiện chính sách phát triển kinh tế nào?

- A. Chính sách kinh tế mới. B. Chính sách mở cửa nền kinh tế.
C. Chính sách công nghiệp mới. D. Chính sách vành đai, con đường.

Câu 26. Những thay đổi quan trọng trong nền kinh tế Trung Quốc là kết quả của

- A. công cuộc đại nhảy vọt. B. cách mạng văn hóa và các kế hoạch 5 năm.
C. công cuộc hiện đại hóa. D. các biện pháp cải cách trong nông nghiệp.

Câu 27. Các trung tâm công nghiệp rất lớn của Trung Quốc là

- A. Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Quảng Châu, Trùng Khánh.
- B. Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Cáp Nhĩ Tân, Thẩm Dương.
- C. Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Nam Kinh, Phúc Châu.
- D. Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Lan Châu, Thành Đô.

Câu 28. Nội dung nào đúng về cơ cấu sản phẩm ngành trồng trọt của miền Bắc và miền Nam thuộc lãnh thổ phía đông Trung Quốc?

- A. Miền Bắc chỉ phát triển cây trồng có nguồn gốc ôn đới, miền Nam chỉ phát triển cây trồng miền nhiệt đới.
- B. Miền Bắc chủ yếu là cây trồng có nguồn gốc nhiệt đới, miền Nam là cây trồng cận nhiệt và ôn đới.
- C. Miền Bắc chủ yếu là cây trồng có nguồn gốc ôn đới và cận nhiệt, miền Nam chỉ phát triển cây nhiệt đới.
- D. Miền Bắc chủ yếu là cây trồng có nguồn gốc ôn đới và cận nhiệt, miền Nam là cây trồng có nguồn gốc nhiệt đới và cận nhiệt.

Câu 29. Cho bảng số liệu:

GDP CỦA TRUNG QUỐC VÀ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 1985 – 2015

(Đơn vị: tỉ USD)

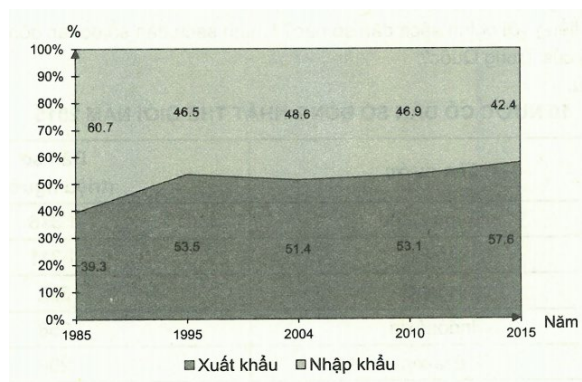
Năm	1985	1995	2004	2010	2015
Trung Quốc	239,0	697,6	1649,3	6040,0	10866,0
Thế giới	12360,0	29357,4	40887,8	65648,0	73434,0

(Nguồn: Số liệu thống kê về Việt Nam và thế giới, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

Dựa vào bảng số liệu, nhận xét nào đúng về GDP của Trung Quốc?

- A. GDP của Trung Quốc liên tục tăng từ năm 1985 đến năm 2015 tăng gấp 45,5 lần.
- B. GDP của Trung Quốc chiếm tỉ trọng cao trên thế giới, năm 2015 đạt 9% so với thế giới.
- C. Giai đoạn 1985 đến 2015 GDP của Trung Quốc có sự biến động mạnh, tăng giảm không đều.
- D. Giai đoạn 1985 đến 2015 tỉ trọng GDP của Trung Quốc tăng lên khoảng 10%.

Câu 30. Cho biểu đồ về xuất, nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2015:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2015.

- B.** Giá trị xuất, nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2015.
- C.** Tình hình xuất, nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2015.
- D.** Cán cân xuất, nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2015.

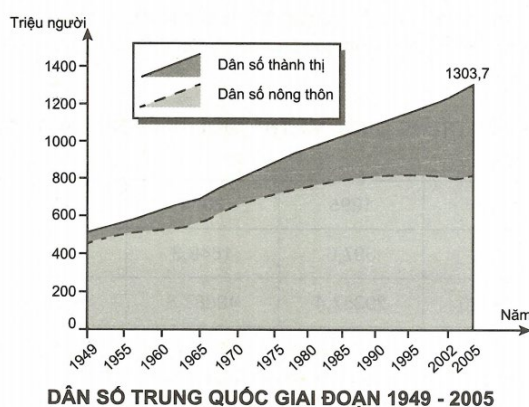
➤ **CÂU HỎI TỰ LUẬN**

Câu 1. Vị trí địa lí, quy mô lãnh thổ ảnh hưởng như thế nào tới địa hình và khí hậu của Trung Quốc?

Câu 2. Căn cứ vào bản đồ địa hình và khoáng sản Trung Quốc kết hợp với kiến thức đã học, hãy:

- Nêu tên các dạng địa hình chính và các sông lớn ở Trung Quốc.
- So sánh sự khác biệt về địa hình, sông ngòi giữa miền Tây và miền Đông.

Câu 3. Cho biểu đồ:



Dựa vào biểu đồ, nhận xét sự thay đổi tổng số dân, số dân nông thôn và số dân thành thị của Trung Quốc.

Câu 4. Căn cứ vào lược đồ phân bố dân cư Trung Quốc (SGK trang 89) và kiến thức trong bài, nhận xét và giải thích sự phân bố dân cư Trung Quốc.

Câu 5. Phân tích những thuận lợi và khó khăn về mặt tự nhiên của miền Đông và miền Tây đối với sự phát triển nông nghiệp, công nghiệp Trung Quốc?

Câu 6. Trung Quốc nổi tiếng với chính sách dân số nào? Chính sách dân số đó tác động như thế nào đối với dân số cũng như xã hội của Trung Quốc?

Câu 7. Cho bảng số liệu:

10 NƯỚC CÓ DÂN SỐ ĐỒNG NHẤT THẾ GIỚI NĂM 2015

STT	Tên nước	Dân số (triệu người)
1	Trung Quốc	1 376
2	Ấn Độ	1 311
3	Hoa Kỳ	322
4	Indônêxia	258
5	Bra-xin	208
6	Pa-ka-xtan	189
7	Ni-giê-ri-a	182
8	Băng-la-đet	161
9	Liên bang Nga	144
10	Nhật Bản	127

(Nguồn : Số liệu Thống kê)

Dựa vào bảng số liệu, vẽ biểu đồ thể hiện số dân của 10 nước có dân số đứng đầu thế giới năm 2015. Rút ra nhận xét về dân số Trung Quốc.

Câu 8. Trung Quốc có những điều kiện thuận lợi nào để phát triển các ngành công nghiệp khai thác, luyện kim và sản xuất hàng tiêu dùng?

Câu 9. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 1985 – 2015

Sản phẩm \ Năm	1985	1995	2005	2010	2015
Than (triệu tấn)	961,5	1536,9	1384,2	1365,1	3428,4
Điện (tỉ kWh)	390,6	956,0	1355,6	2500,3	4207,2
Thép (triệu tấn)	47,0	95,0	355,8	638,7	803,8
Xi măng (triệu tấn)	146,0	476,0	970,0	1800	2350
Phân đạm (triệu tấn)*	13,0	26,0	28,1	27,5	29,2**

* Số liệu năm 2010 và năm 2013 là về sản lượng phân đạm (chất dinh dưỡng đạm tổng số).

** Số liệu năm 2013.

(Nguồn: *Số liệu thống kê về Việt Nam và thế giới*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

Dựa vào bảng số liệu, nhận xét sự tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2015.

Câu 10. Căn cứ vào lược đồ các trung tâm công nghiệp chính của Trung Quốc, nhận xét sự phân bố một số ngành công nghiệp của Trung Quốc. Phân tích những điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tác động đến sự phân bố này.

Câu 11. Căn cứ vào bản đồ phân bố sản xuất nông nghiệp của Trung Quốc và kiến thức đã học, nhận xét sự phân bố cây lương thực, cây công nghiệp và một số gia súc của Trung Quốc. Vì sao có sự khác biệt lớn trong phân bố nông nghiệp giữa miền Đông và miền Tây?

Câu 12. Trình bày kết quả hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp của Trung Quốc. Phân tích những nguyên nhân đưa đến kết quả đó?

ĐÁP ÁN

➤ PHẦN TRẮC NGHIỆM

1-A	2-B	3-D	4-C	5-D	6-A	7-C	8-C	9-A	10-B
11-A	12-B	13-C	14-A	15-D	16-D	17-C	18-C	19-D	20-B
21-A	22-B	23-B	24-C	25-C	26-C	27-A	28-D	29-A	30-A

➤ PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1.

* *Ảnh hưởng của vị trí địa lý, quy mô lãnh thổ tới địa hình và khí hậu của Trung Quốc:*

- Thuận lợi:

- + Lãnh thổ rộng lớn và trải dài theo chiều bắc - nam và đông - tây, tạo cho cảnh quan thiên nhiên đa dạng.
- + Tiếp giáp vùng biển rộng lớn phía đông, thuận lợi để giao lưu mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực và thế giới đặc biệt là các nước thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Bắc Mỹ.
- + Phát triển tổng hợp kinh tế biển.
- + Tài nguyên thiên nhiên đa dạng, giàu có (đất, rừng, biển, khoáng sản,...).

- Khó khăn:

- + Lãnh thổ rộng lớn, khó khăn trong bảo vệ lãnh thổ, quản lí các đơn vị hành chính.
- + Nhiều múi giờ, bất lợi về hoạt động kinh tế - đời sống giữa khu vực phía đông và phía tây lãnh thổ.
- + Đường biên giới kéo dài, chủ yếu ở vùng núi, cao nguyên, tiếp giáp với nhiều quốc gia trên đất liền → vấn đề an ninh quốc phòng phức tạp, dễ xảy ra mâu thuẫn tranh chấp lãnh thổ.
- + Vùng nội địa khí hậu khô hạn, khắc nghiệt, khó khăn cho phát triển kinh tế, đặc biệt là nông nghiệp.

Câu 2.

*** Các dạng địa hình chính và các sông lớn ở Trung Quốc:**

- Địa hình: các dãy núi cao (Hi-ma-lay-a, Côn Luân, Thiên Sơn, Nam Sơn), sơn nguyên (Tây Tạng), bồn địa (Tứ Xuyên, Tarim, Duy Ngô Nhĩ), đồng bằng châu thổ (Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam).
- Sông ngòi: Hoàng Hà, Trường Giang, Hắc Long Giang.

*** Sự khác biệt về địa hình, sông ngòi giữa miền Tây và miền Đông:**

Tiêu chí	Miền Đông	Miền Tây
Địa hình	- Đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất phù sa màu mỡ. - Các đồng bằng lớn: Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam.	- Các dãy núi cao, sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa. - Các dãy núi cao: Hi-ma-lay-a, Côn Luân, Thiên Sơn, Nam Sơn. - Sơn nguyên Tây Tạng. - Bồn địa: Tứ Xuyên, Tarim, Duy Ngô Nhĩ.
Sông ngòi	- Trung và hạ lưu của nhiều con sông lớn: Hoàng Hà, Trường Giang, Hắc Long Giang.	- Là nơi bắt nguồn của các con sông lớn chảy về phía đông như: Hoàng Hà, Trường Giang.

Câu 3.

*** Nhận xét sự thay đổi tổng số dân, số dân nông thôn và số dân thành thị của Trung Quốc:**

- Từ năm 1949 đến năm 2005 tổng số dân tăng lên nhanh và liên tục, gấp khoảng 2,5 lần.
- Số dân nông thôn và thành thị tăng lên, trong đó dân số thành thị tăng nhanh hơn.
- Dân số tập trung chủ yếu ở nông thôn.

Câu 4.

*** Dân cư Trung Quốc phân bố không đều:**

- Giữa miền núi và đồng bằng:

- + Dân số tập trung chủ yếu ở miền đồng bằng châu thổ phía đông. Mật độ dân số trên 100 người/km² và từ 50 - 100 người/km², tập trung các thành phố, đô thị triệu dân (Bắc Kinh, Thượng Hải, Trùng Khánh, Thiên Tân,...).

→ Dân cư tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng vì: vùng đồng bằng đất đai màu mỡ, nguồn nước dồi dào, khí hậu thuận lợi, vị trí địa lý và giao thông dễ dàng cho giao lưu phát triển kinh tế - xã hội.

- + Vùng miền núi phía Tây dân cư thưa thớt, mật độ dân số dưới 1 người/km².

→ Dân cư thưa thớt ở miền núi vì: địa hình đồi núi giao thông khó khăn, khí hậu lục địa khắc nghiệt khô hạn, không thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Riêng vùng phía Bắc sơn nguyên Tây Tạng có mật độ dân số cao hơn (từ 1 - 50 người/km²), trong lịch sử đây là “Con đường tơ lụa” và ngày nay được xây dựng tuyến đường sắt chạy qua.

- Giữa thành thị - nông thôn:

- + Dân cư tập trung chủ yếu ở vùng nông thôn (hơn 60%).
- + Năm 2005, số dân thành thị là 37%, số dân thành thị đang tăng lên nhanh.

Câu 5.

*** Thuận lợi và khó khăn về mặt tự nhiên của miền Đông và miền Tây đối với sự phát triển nông nghiệp, công nghiệp Trung Quốc:**

Tiêu chí	Miền Đông	Miền Tây
Thuận lợi	- Nông nghiệp: + Đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào. → phát triển nền nông nghiệp trù phú (cây lương thực) + Khí hậu chuyển từ cận nhiệt đới gió mùa sang ôn đới gió mùa → phát triển đa dạng cây trồng vật nuôi. - Công nghiệp: + Địa hình bằng phẳng, nguồn nước dồi dào → thuận lợi xây dựng các công trình, nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp. + Nhiều kim loại màu, quặng sắt, than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên,... → Phát triển công nghiệp khai khoáng, luyện kim, hóa chất, năng lượng,...	- Nông nghiệp: + Diện tích rừng lớn, còn nhiều rừng giàu → phát triển lâm nghiệp. + Các đồng cỏ → chăn nuôi gia súc lớn. - Công nghiệp: + Khoáng sản: dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá, sắt,... → phát triển nhiều ngành công nghiệp (khai khoáng, luyện kim, hóa chất, năng lượng,...). + Thượng nguồn các sông lớn, nguồn thủy năng dồi dào → phát triển công nghiệp năng lượng.
Khó khăn	- Vùng đồng bằng dễ ngập lụt vào mùa mưa.	- Khí hậu lục địa khắc nghiệt, khô hạn. - Địa hình hiểm trở → giao thông khó khăn.

Câu 6.

*** Chính sách dân số nổi tiếng của Trung Quốc là chính sách một con: đây là chính sách dân số rất triệt để, mỗi gia đình chỉ có một con.**

*** Tác động của chính sách một con:**

- Tích cực:

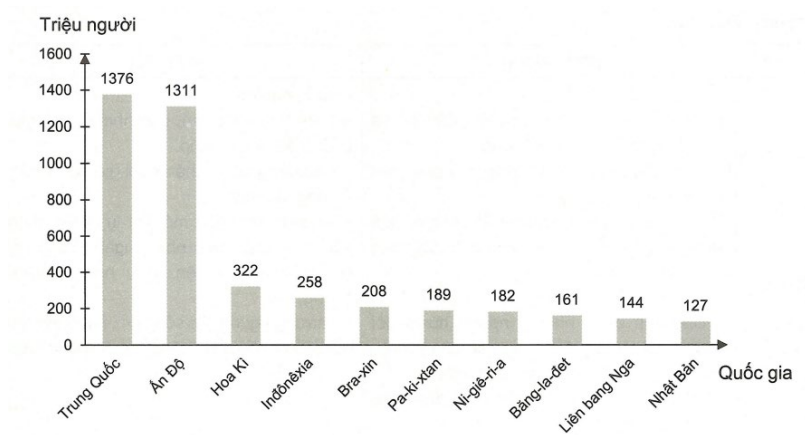
- + Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Trung Quốc ngày càng giảm, năm 2005 chỉ còn 0,6%.
- + Đời sống nhân dân được cải thiện.
- + Dễ dàng trong công tác quản lí dân số.
- + Giáo dục, y tế được đảm bảo hơn.
- + Hạn chế được bùng nổ dân số.

- Tiêu cực:

- + Tình trạng mất cân bằng giới tính do tập quán “trọng nam khinh nữ”, nhiều bé gái bị bỏ rơi sau sinh.
- + Gián tiếp làm gia tăng tỉ lệ nạo phá thai.
- + Tỉ lệ sinh giảm mạnh gây xáo trộn cấu trúc dân số.
- + Mở ra khe hở pháp luật tạo điều kiện cho tham nhũng.
- + Làm giảm lượng dân số trong độ tuổi lao động, ảnh hưởng tới tốc độ phát triển kinh tế.
- + Tệ nạn bắt cóc, buôn bán trẻ em và phụ nữ ngày càng nhiều.
- + Dân số có xu hướng già hóa dẫn đến phúc lợi xã hội lớn.
- + Hội chứng “Tiêu hoàng đế”,...

Câu 7.

* **Vẽ biểu đồ:**



BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN SỐ DÂN CỦA 10 NƯỚC CÓ DÂN SỐ ĐỨNG ĐẦU THẾ GIỚI NĂM 2015

Câu 8.

* ***Trung Quốc có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp khai thác, luyện kim và sản xuất hàng tiêu dùng:***

- Nguồn tài nguyên khoáng sản giàu có (than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên, quặng sắt, kim loại màu,...).
- Tài nguyên rừng giàu có.
- Dân số đông vừa là nguồn lao động dồi dào, năng động vừa là thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- Áp dụng các tiến bộ khoa học kĩ thuật trong sản xuất.
- Nhiều chính sách và biện pháp tích cực để phát triển công nghiệp địa phương, sản xuất hàng tiêu dùng.

Câu 9.

*** Sự tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp của Trung Quốc giai đoạn 1985 - 2015:**

- Nhìn chung các sản phẩm công nghiệp của Trung Quốc đều có xu hướng tăng lên, cụ thể đối với từng sản phẩm như sau:

- + Sản lượng thép tăng nhanh nhất, tăng gấp 17 lần (từ 47,0 triệu tấn năm 1985 lên 803,9 triệu tấn năm 2015).
- + Sản lượng xi măng tăng nhanh, tăng gấp 16 lần (từ 146,0 triệu tấn năm 1985 lên 2350 triệu tấn năm 2015).
- + Sản lượng điện tăng gấp 10,8 lần (từ 390,6 tỉ kWh năm 1985 lên 4207,2 tỉ kWh năm 2018).
- + Sản lượng than tăng gấp 3,6 lần (từ 961,5 triệu tấn năm 1985 lên 3428,4 triệu tấn năm 2015).
- + Sản lượng phân đạm tăng ít nhất, chỉ tăng gấp 2,2 lần (từ 13,0 triệu tấn năm 1985 lên 29,2 triệu tấn năm 2015).

Câu 10.

*** Các ngành công nghiệp của Trung Quốc phân bố chủ yếu ở miền Đông lãnh thổ, khu vực ven các con sông lớn và vùng biển rộng lớn phía đông.**

*** Những điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tác động đến sự phân bố này:**

- Vị trí địa lí của miền Đông Trung Quốc:

- + Tiếp giáp vùng biển rộng lớn phía đông, thuận lợi cho giao lưu trao đổi hàng hóa, nguyên liệu với các nước trong khu vực và trên thế giới.
- + Nằm gần các trung tâm kinh tế năng động và phát triển nhất thế giới (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đông Nam Á,...).

- Điều kiện tự nhiên:

- + Địa hình đồng bằng, khí hậu gió mùa ẩm áp, nguồn nước dồi dào,... thuận lợi để phát triển, xây dựng các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp,...
- + Tài nguyên khoáng sản giàu có, nhiều mỏ có trữ lượng lớn (than đá, dầu mỏ, quặng sắt, kim loại màu,...).

→ Thế mạnh phát triển các ngành công nghiệp.

- Kinh tế - xã hội:

- + Miền Đông tập trung dân cư đông đúc, lao động dồi dào, có trình độ cao.
- + Thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- + Cơ sở hạ tầng giao thông đô thị, cơ sở vật chất kĩ thuật hoàn thiện, tập trung nhiều đô thị, thành phố lớn, các trung tâm đào tạo giáo dục lớn của cả nước.
- + Chính sách của Nhà nước ưu tiên phát triển.
- + Ứng dụng nhiều thành tựu khoa học kĩ thuật hiện đại trong sản xuất.

Câu 11.

*** Nhận xét sự phân bố cây lương thực, cây công nghiệp và một số gia súc của Trung Quốc:**

-
- Cây lương thực, cây công nghiệp và một số gia súc phân bố tập trung ở khu vực miền Đông Trung Quốc.
 - Miền Tây hầu như không phát triển cây lương thực, cây công nghiệp, và gia súc trâu bò. Chủ yếu là nơi phân bố các đàn cừu và ngựa.

*** Nguyên nhân:**

- Miền Đông có điều kiện tự nhiên cũng như điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp:
 - + Tự nhiên: địa hình đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào, khí hậu cận nhiệt và ôn đới gió mùa.
 - Thuận lợi để hình thành các vùng sản xuất lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày (lúa gạo, lúa mì, ngô, khoai tây, củ cải đường, đỗ tương, mía, bông, thuốc lá), cây chè,...; chăn nuôi lợn, bò; vùng biển phía đông phát triển đánh bắt nuôi trồng thủy sản.
 - + Kinh tế - xã hội: dân cư đông đúc, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, thị trường tiêu thụ rộng lớn, công nghiệp chế biến phát triển, cơ sở vật chất kỹ thuật - cơ sở hạ tầng hoàn thiện, được ứng dụng nhiều thành tựu khoa học kỹ thuật (về giống, phân bón, nông cụ, phương thức canh tác,...).
 - Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.
- Miền Tây địa hình đồi núi sơn nguyên cao, khí hậu lục địa khô hạn với các hoang mạc và bán hoang mạc, chỉ phù hợp với giới hạn sinh thái của cừu và ngựa; không thuận lợi cho canh tác cây lương thực, lợn bò,...

Câu 12.

*** Kết quả và nguyên nhân hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp của Trung Quốc:**

- Ngành nông nghiệp:
 - + Kết quả:
 - Sản xuất được nhiều loại nông phẩm với năng suất cao.
 - Một số loại có sản lượng đứng đầu thế giới như: lương thực, bông, lạc, thịt lợn, thịt cừu.
 - + Nguyên nhân: áp dụng nhiều chính sách cải cách trong nông nghiệp:
 - Giao quyền sử dụng đất cho người nông dân.
 - Cải tạo, xây dựng mới đường giao thông, hệ thống thủy lợi.
 - Đưa kỹ thuật mới vào sản xuất, phổ biến giống mới.
 - Miễn thuế nông nghiệp cho người dân.
- Công nghiệp:
 - + Kết quả:
 - Phát triển các ngành công nghiệp kỹ thuật cao như điện tử, cơ khí chính xác, máy móc tự động.
 - Nhiều ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao, nhiều mặt hàng đứng đầu thế giới về sản lượng như: than, thép, xi măng, phân đạm.

-
- Phát triển công nghiệp địa phương, sản xuất được nhiều mặt hàng tiêu dùng, ngành công nghiệp vật liệu xây dựng, đồ gốm, sứ, dệt may,... Các ngành này đã thu hút trên 100 triệu lao động và cung cấp trên 20% giá trị hàng hóa ở nông thôn.

+ Nguyên nhân :

- Chuyển đổi nền kinh tế chỉ huy sang nền kinh tế thị trường.
- Thực hiện chính sách mở cửa, xây dựng các đặc khu kinh tế, khu chế xuất.
- Thu hút vốn đầu tư lớn, năm 2004 thu hút nguồn vốn FDI lớn nhất thế giới.
- Chủ động đầu tư hiện đại hóa trang thiết bị, phát triển, ứng dụng công nghệ cao trong công nghiệp.